

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/LĐ-ST
Ngày 01 - 12 - 2021
V/v tranh chấp về bảo hiểm xã hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thị Thu Vân
2. Ông Nguyễn Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số: 62/2020/TLST-LĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-LĐ ngày 08 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-LĐ ngày 05 tháng 8 năm 2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 62/2021/TB-TA ngày 15 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2021/QĐST-LĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; thường trú: Thôn C, xã T, huyện D, tỉnh Q. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:*

1/ Công ty TNHH Ph; địa chỉ: Số 53/3 đường Nguyễn Thị Minh K, khu phố T, phường T, thành phố A, tỉnh D. Vắng mặt.

2/ Công ty TNHH Ph1; địa chỉ: Số 1191 Lê Đức T, Phường 13, quận V, Thành phố M. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm A, tỉnh D, địa chỉ: Trung tâm hành chính A, tỉnh D.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T; chức vụ: Nhân viên Bảo hiểm thành phố A; là người đại diện theo ủy quyền. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 9 năm 2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28 tháng 10 năm 2020 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông làm việc tại Công ty TNHH Ph1 (gọi tắt là Công ty Ph1) từ tháng 05/2014 với vị trí là công nhân, có ký hợp đồng lao động với mức lương cơ bản là 3.317.000 đồng/tháng và được tham gia bảo hiểm theo quy định của pháp luật. Quá trình làm việc các bên có ký với nhau nhiều hợp đồng xác định thời hạn, đến 01/2016 thì ký hợp đồng không xác định thời hạn với mức lương cơ bản là 3.745.000 đồng. Đến ngày 01/01/2017 các bên lại ký hợp đồng không xác định thời hạn với mức lương được tăng lên 4.213.000 đồng nhưng lần này công ty giữ lại hợp đồng và không đưa cho bà giữ bản nào. Công ty Ph1 có trụ sở tại quận V, Thành phố M nhưng ông T làm việc tại chi nhánh của công ty đặt tại khu phố T, phường B, thành phố A, tỉnh D và tham gia bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội thành phố A. Đến tháng 01/2018, Công ty TNHH Ph thành lập và hoạt động ngay tại chi nhánh Công ty Ph1. Theo đề nghị của Công ty ông T đã chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty Ph1 và ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Ph (gọi tắt là Công ty Ph1) từ ngày 01/02/2018; mức lương chính theo hợp đồng là 4.471.530 đồng. Ông T tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm Acho đến khi nghỉ việc (hết tháng 11/2019, tuy nhiên khi nghỉ việc cả Công ty Ph1 và Công ty Ph1 chưa đóng và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông đầy đủ mặc dù hàng tháng các công ty đều trích từ tiền lương của ông để đóng bảo hiểm.

Ông Tkhởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Ph1 có trách nhiệm chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông T từ tháng 01/2016 đến tháng 01/2018 và buộc Công ty TNHH Ph chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông T từ tháng 02/2018 đến tháng 11/2019.

Tuy nhiên, Công ty Ph1 đã đóng bảo hiểm xã hội cho ông T từ tháng 02/2015 đến hết tháng 5/2016 và Công ty Ph1 đã đóng bảo hiểm xã hội cho ông T tháng 02/2018 nên ông Tcó đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty TNHH Ph1 có trách nhiệm chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông từ tháng 01/2016 đến hết tháng 5/2016 và Công ty Ph1 có trách nhiệm chốt sổ bảo hiểm xã hội tháng 02/2018, chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông từ tháng 10/2019 đến hết tháng 11/2019.

Như vậy, ông T chỉ yêu cầu Công ty TNHH Ph1 có trách nhiệm chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông từ tháng 6/2016 đến tháng 01/2018 và Công ty TNHH Ph chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông từ tháng 03/2018 đến tháng 9/2019 và trả sổ bảo hiểm xã hội.

- Đối với bị đơn Công ty TNHH Ph1 và Công ty TNHH Ph:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt cho các bị đơn thông báo thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, yêu cầu tham gia phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bị đơn không đến Tòa án làm

việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án.

- Tại bản tự khai ngày 27/10/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố A là ông Dương Văn T trình bày:

Công ty Ph1 bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại BHXH A từ tháng 03/2011, tính đến tháng 9/2020 Công ty Ph1 còn nợ số tiền 4.181.479.752 đồng, đã nộp tiền bảo hiểm xã hội đến hết tháng 5/2016. Công ty Ph1 tham gia bảo hiểm xã hội cho ông T từ tháng 02/2015 đến tháng 01/2018. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, đề nghị Công ty Ph1 có trách nhiệm đóng tiền và chốt sổ cho ông từ tháng 06/2016 đến tháng 01/2018.

Công ty Ph1 bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại BHXH A từ tháng 02/2018, tính đến tháng 9/2020 Công ty Ph1 còn nợ số tiền 3.421.267.453 đồng, đã nộp tiền bảo hiểm xã hội tháng 02/2018. Công ty Ph1 tham gia bảo hiểm xã hội cho ông T từ tháng 02/2018 đến tháng 9/2019. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, đề nghị Công ty Ph1 có trách nhiệm đóng tiền và chốt sổ cho ông T từ tháng 03/2018 đến tháng 9/2019 và trả sổ BHXH cho ông T theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, các bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn ông T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty TNHH Ph1 có trách nhiệm chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông T từ tháng 01/2016 đến hết tháng 5/2016 và Công ty Ph1 có trách nhiệm chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông T tháng 02/2018, chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông từ tháng 10/2019 đến hết tháng 11/2019. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập và các đương sự cung cấp đã được thẩm tra tại phiên tòa, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào quan hệ lao động giữa nguyên đơn và bị đơn, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp lao động, cụ thể là “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”. Bị đơn Công ty TNHH Ph có trụ sở tại 53/3 Nguyễn Thị Minh K, khu phố T, phường B, thành phố A, tỉnh D; đối với bị đơn Công ty TNHH Ph1 thì nguyên đơn lựa chọn Tòa án giải quyết nơi tổ chức có chi nhánh, đồng thời nơi nguyên đơn làm việc tại số 53/3 Nguyễn Thị Minh K, khu phố T, phường B, thành phố A, tỉnh D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố A theo điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm b, đ khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các bị đơn Công ty TNHH Ph1 và Công ty TNHH Ph đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm Acó đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu Công ty TNHH Ph1 có trách nhiệm chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông từ tháng 01/2016 đến hết tháng 5/2016 và Công ty Ph1 có trách nhiệm chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông T tháng 02/2018, chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông từ tháng 10/2019 đến hết tháng 11/2019. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ các Điều 235, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp thì có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ lao động với nhau. Quan hệ lao động giữa nguyên đơn và bị đơn trên tinh thần tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên có giá trị và hiệu lực thi hành. Quá trình làm việc nguyên đơn được bị đơn tham gia bảo hiểm xã hội và hàng tháng bị đơn vẫn trích tiền lương của nguyên đơn để tham gia bảo hiểm xã hội.

Hết tháng 01/2018, ông T chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty TNHH Ph1 và đến tháng 11/2019, ông T chấm dứt hợp đồng với Công ty TNHH Ph. Việc chấm dứt hợp đồng lao động là tự nguyện, tuy nhiên, Công ty TNHH Ph1 và Công ty TNHH Ph không hoàn tất thủ tục để chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông T làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Việc đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là trách nhiệm của người sử dụng lao động và người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 19 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội. Theo lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm Axác nhận Công ty Ph1 có tham gia bảo hiểm xã hội cho ông T từ tháng 02/2015 đến tháng 01/2018 (Công ty Ph1 đã nộp tiền bảo hiểm xã hội cho đến hết tháng 5/2016); Công ty Ph1 tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội cho ông T từ tháng 02/2018 đến tháng 9/2019 (Công ty Ph1 đã nộp tiền bảo hiểm xã hội tháng 02/2018), thời gian còn lại bị đơn đang nợ tiền bảo hiểm xã hội nên chưa thể chốt sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Như vậy, việc các bị đơn đã trừ tiền lương hàng tháng của nguyên đơn nhưng không trích nộp tiền bảo hiểm xã hội, không chốt sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn là vi phạm đến quyền lợi, hợp pháp của nguyên đơn theo quy định tại khoản 5 Điều 21 và là hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; khoản 2 và khoản 3 Điều 47 Bộ Luật lao động nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến đề xuất giải quyết vụ án của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T không phải chịu. Bị đơn Công ty TNHH Ph1 và Công ty TNHH Ph phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 144, 147, 228, 235, 238, 244, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 47 Bộ luật Lao động năm 2012; căn cứ Điều 19 và Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu bị đơn Công ty TNHH Ph1 xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2016 đến hết tháng 5/2016 và Công ty TNHH Ph xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội tháng 02/2018, xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho ông từ tháng 10/2019 đến hết tháng 11/2019.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T đối với bị đơn Công ty TNHH Ph1 và bị đơn Công ty TNHH Ph về việc “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”:

2.1. Buộc Công ty TNHH Ph1 phải xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội của ông Nguyễn Văn T từ tháng 6/2016 đến tháng 01/2018.

2.2. Buộc Công ty TNHH Ph phải xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội của ông Nguyễn Văn T từ tháng 3/2018 đến tháng 9/2019 và trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Văn T.

3. Về án phí lao động sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn T không phải chịu.
- Công ty TNHH Ph1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).
- Công ty TNHH Ph phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

4. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP Dĩ An;
- Chi cục THADS TP Dĩ An;
- Dương sự;
- Lưu: VT; HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Viết Nam